TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2026/DS-ST
Ngày: 30-6-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Lê Thịnh

Bà Phạm Thị Lan

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Quang Trực – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – tham gia phiên tòa*: ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026 tại phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 299/2026/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2026/QĐXXST-DS ngày 15/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai giữa các đương sự*:*

1. Nguyên đơn*:* bà Huỳnh Thị Thanh N, sinh năm 1965; địa chỉ: 1 khu phố T, phường D, thành phố Đ.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lâm Ngọc T, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp Q, xã H, thành phố Đ.

2. Bị đơn: Bà Ông Đặng Thế P, sinh năm 1987; Địa chỉ: số B khu phố L, phường D, thành phố Đ.

3. Người làm chứng: Bà Vũ Thúy P1, sinh năm 1962; địa chỉ: số B khu phố L, phường D, thành phố Đ.

(Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh N (do ông Lâm Ngọc T làm đại diện) trình bày:***

Bà N có mối quan hệ quen biết với bà Vũ Thúy P1 (mẹ ruột anh P) Sau đó bà P1 giới thiệu cho anh P vay tiền bà N.

Từ tháng 3/2017 đến tháng 11/2018 anh P đã vay bà N nhiều lần tiền cụ thể từng lần vay như sau:

- Ngày 19/4/2017, anh P vay bà N số tiền 26.000.000đ; Ngày 30/7/2017 vay 20.000.000đ; Ngày 19/9/2017, vay 13.000.000đ; Ngày 05/7/2018 vay tiền 35.000.000đ; Ngày 11/10/2018 vay 100.000.000đ; Ngày 19/10/2018 vay 50.000.000đ Ngày 10/11/2018 vay 40.000.000đ. Tổng số ông P vay bà N là 294.000.000đ. Mục đích vay tiền anh P trả tiền công cho thợ do thời điểm vay anh làm chủ tiệm sơn.

Hai bên thỏa thuận lãi suất miệng là 3%/tháng và khi nào cần bà N chỉ cần báo trước thì ông sẽ xoay tiền trả lại cho bà. Riêng đối với "Giấy vay tiền" lập ngày 05/7/2018 thì hai bên thỏa thuận thời hạn trả là ngày 20/02/2019 (Tuy nhiên, do nhầm lẫn nên đã ghi ngày 20/02/2019 là ngày vay tiền, nhưng thực tế đây là ngày đến hạn phải trả nợ). Số tiền cho vay là tiền của cá nhân bà N.

Trong những lần vay trên, có lần thì thỏa thuận thời hạn thanh toán, có lần thì giữa bà N và anh P thống nhất khi nào bà N cần báo trước cho anh P. Đến thời điểm tháng 5/2025, bà N cần tiền làm ăn có nhiều lần liên hệ anh P nhưng anh P không nghe máy. Từ thời điểm vay đến nay ông P vẫn chưa thanh toán cho bà N được bất kỳ khoản nợ gốc và lãi nào mặc dù bà N đã rất nhiều lần liên hệ để yêu cầu ông P thực hiện nghĩa vụ.

Nay bà N yêu cầu Toà án buộc ông P có nghĩa vụ thanh toán cho bà N số tiền nợ là 294.000.000đ (hai trăm chín mươi tư triệu). Bà N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

**** Trong quá trình làm việc, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Đặng Thế P trình bày:***

Từ năm 2017 đến 2018 anh P thừa nhận có nhiều lần liện hệ bà N vay tiền để trả tiền công cho thợ. Tổng số tiền vay theo các giấy vay bà N xuất trình cho Tòa án là đúng. Lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng là 6%/tháng, anh P xác định đã thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi suất cho bà N (do anh P trực tiếp trả tiền mặt hai lần cho bà N), những lần còn lại trả thông qua bà P1 (mẹ anh P). Anh P xác định anh P có thanh toán thì bà N mới tiếp tục cho anh vay tiền. Hiện anh P không còn nợ tiền bà N nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà N. Chứng cứ liên quan đến việc trả gốc + lãi anh không có để cung cấp cho Tòa án vì do tin tưởng bà N là bạn thân của bà P1 (mẹ anh P) nên không lập giấy tờ.

**** Trong quá trình làm việc người làm chứng bà Vũ Thúy P1 trình bày:***

Bà P1 là mẹ anh P và là bạn của bà N. Bà P1 xác định ông P có vay bà N nhiều lần tiền, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 6%/tháng. Sau mỗi lần vay tiền thì ông P viết giấy vay đưa cho bà N giữ bản chính. Sau mỗi lần vay tiền thì anh P đều gửi gốc +lãi suất cho bà P1 để bà P1 trả cho bà N, sau khi trả xong gốc + lãi thì bà N mới cho ông P vay tiền tiếp lần khác. Theo bà P1 xác định ông P đã trả hết tiền gốc +lãi cho bà N. Mỗi lần ông P gửi tiền về cho bà đi trả bà N thì bà P1 trả trực tiếp cho bà N chứ không làm giấy tờ và cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

**** Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:***

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm xét xử, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, về thẩm quyền thụ lý vụ án, về thời hiệu khởi kiện, tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 đúng thời hạn theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đảm bảo sự vô tư, khách quan giải quyết vụ án, không có trường hợp thay đổi người tiến hành tố tụng theo điều 52 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, thủ tục phiên tòa từ khi bắt đầu cho đến thời điểm này được Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ, đúng quy định trình tự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh N.

Buộc bị đơn ông Đặng Thế P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị Thanh N 294.000.000đ (hai trăm chín mươi bốn triệu đồng).

Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Huỳnh Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu anh Đặng Thế P thanh toán số tiền vay còn nợ là 294.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Đặng Thế P cư trú tại khu phố L, phường D, thành phố Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về tư cách đương sự

Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định bà Huỳnh Thị Thanh N là nguyên đơn; anh Đặng Thế P là bị đơn; bà Vũ Thúy P1 là người làm chứng trong vụ án.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Thanh N yêu cầu buộc anh Đặng Thế P thanh toán số tiền gốc còn nợ là 294.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi đối với các khoản vay.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện từ ngày 19/4/2017 đến ngày 10/11/2018 anh Đặng Thế P đã nhiều lần vay tiền của bà Huỳnh Thị Thanh N, gồm các khoản: ngày 19/4/2017 vay 26.000.000 đồng; ngày 30/7/2017 vay 20.000.000 đồng; ngày 19/9/2017 vay 13.000.000 đồng; ngày 05/7/2018 vay 35.000.000 đồng; ngày 11/10/2018 vay 100.000.000 đồng; ngày 19/10/2018 vay 50.000.000 đồng; ngày 10/11/2018 vay 40.000.000 đồng, tổng cộng 294.000.000 đồng.

Các giấy vay tiền do nguyên đơn xuất trình đều có chữ ký của anh Đặng Thế P. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh P đều thừa nhận toàn bộ các giấy vay tiền này là do mình lập, chữ ký là của mình và xác nhận tổng số tiền vay là đúng như nguyên đơn

trình bày. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh P trình bày mặc dù có vay tiền nhưng đã thanh toán đầy đủ cả tiền gốc và tiền lãi cho bà N; trong đó có hai lần trực tiếp giao tiền cho bà N, các lần còn lại thông qua mẹ ruột là bà Vũ Thúy P1 để thanh toán. Tuy nhiên, anh P xác định việc thanh toán chỉ thực hiện bằng tiền mặt, không lập giấy biên nhận, không yêu cầu bà N trả lại giấy vay tiền và không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Người làm chứng bà Vũ Thúy P1 cũng trình bày phù hợp với lời khai của anh P về việc nhiều lần nhận tiền của anh P để giao lại cho bà N. Tuy nhiên, bà P1 cũng xác nhận việc giao nhận tiền giữa bà và bà N đều không lập giấy tờ, không có người chứng kiến, không có tài liệu chứng minh và không có căn cứ nào thể hiện bà N đã xác nhận đã nhận đủ tiền gốc và tiền lãi.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự đưa ra yêu cầu phản đối đối với yêu cầu của bên còn lại thì phải có nghĩa vụ chứng minh. Trong vụ án này, anh Đặng Thế P cho rằng đã thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nhưng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình. Lời khai của bà Vũ Thúy P1 chỉ là lời trình bày của người làm chứng, không được củng cố bằng các chứng cứ khách quan khác nên không đủ căn cứ xác định anh P đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

Mặt khác, Hội đồng xét xử xét thấy toàn bộ bản chính các giấy vay tiền vẫn do bà Huỳnh Thị Thanh N quản lý. Theo thông lệ trong giao dịch dân sự, khi bên vay đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán thì bên cho vay thường giao trả giấy vay hoặc lập văn bản xác nhận đã thanh toán xong. Trong vụ án này, anh P không chứng minh được việc bà N đã trả lại các giấy vay hoặc có văn bản xác nhận đã nhận đủ tiền. Đây là căn cứ thể hiện nghĩa vụ trả nợ của anh P vẫn chưa được thực hiện.

Đối với lời trình bày của anh P cho rằng do tin tưởng bà N là bạn thân của mẹ mình nên việc thanh toán không lập giấy tờ, Hội đồng xét xử thấy rằng đây chỉ là lời giải thích chủ quan của bị đơn, không làm phát sinh căn cứ pháp lý để chứng minh nghĩa vụ trả nợ đã được thực hiện.

Về lãi suất, nguyên đơn trình bày hai bên thỏa thuận miệng mức lãi 3%/tháng, trong khi bị đơn và người làm chứng khai mức lãi 6%/tháng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc, không yêu cầu tính lãi. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét. Mặt khác anh P không xác định được đã trả cho bà N tổng lãi là bao nhiêu, không có tài liệu chứng cứ. Bà N khai rằng chưa nhận được khoản lãi suất nào nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét về lãi suất.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định anh Đặng Thế P còn nợ bà Huỳnh Thị Thanh N số tiền gốc 294.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Đặng Thế P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh N.

2. Buộc anh Đặng Thế P thanh toán cho bà Huỳnh Thị Thanh N số tiền 294.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bốn triệu đồng).

Do nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm

Anh Đặng Thế P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 14.700.000đ (mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 4 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 4
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Lan